TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2021.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh H

Các hội thẩm nhân dân: + Bà T;

+ Ông N.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà N - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2021 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Th,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 1/5, xã Ph, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Bị đơn**: Anh **Huỳnh Văn Ph**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 1/5, xã Ph, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Th có mặt, anh Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn Ph xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Th, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Sau khi xây dựng gia đình thì vợ chồng chung sống với nhau tại tỉnh Bến Tre đến năm 2011 thì chuyển đến sinh sống tại xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau thường xuyên và có khi xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, quan điểm sống không hòa hợp nên đời sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Anh Phthường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ, con, không chịu khó làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng trao đổi, tìm cách khắc phục nhưng đều không cải thiện được. Nay, chị Thxác định mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mục đich hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại chỉ khiến cả hai mệt mỏi và ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của các con. Do đó chị Thyêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Phđược ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Phcó 03 người con chung là Huỳnh Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 14/7/2005; Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 20/02/2014 và Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 07/01/2020. Khi ly hôn, chị Thyêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh Phcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thđề nghị tự thỏa thuận về tài sản với anh Phúc; đồng thời, quá trình chung sống giữa chị và anh Phkhông có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật đối với anh Huỳnh Văn Ph nhưng anh Phkhông đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản nêu ý kiến liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thảo, xử cho chị Thvà anh Phđược ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao cả ba con chung là Huỳnh Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 14/7/2005; Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 20/02/2014 và Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Thtrực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con; anh Phkhông phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Chị Thphải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Phđã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn anh Phtheo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thvà anh Phxây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/6/2005. Theo chị Thcho rằng, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay giữa chị và anh Phkhông tự cải thiện được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Phđược ly hôn. Nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Thvà anh Phlà do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh Phthường xuyên uống rượu, cờ bạc, có hành vi thiếu tế nhị,

thậm chí là xô xát đối với vợ con. Ngoài ra, bản thân anh Phcòn có hành vi đánh người bên ngoài, công an phải can thiệp giải quyết, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Mặc dù chị Thlà người chịu khó chăm lo gia đình, làm ăn phát triển kinh tế, luôn động viên anh Phkhắc phục nhưng anh không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, cũng như nhiều lần triệu tập anh Phđến làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Phđều vắng mặt và không có ý kiến liên quan, có ý bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn mà không tự tìm cách cải thiện. Do vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh Phcho các bên đương sự. Vì vậy, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thảo, giải quyết cho chị Thvà anh Phđược ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Thxác định, quá trình chung sống chị và anh Phcó 03 con chung là Huỳnh Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 14/7/2005; Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 20/02/2014 và Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 07/01/2020. Khi ly hôn, chị Thyêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh Phcấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, anh Phkhông chịu khó chăm lo gia đình mà thường xuyên uống rượu, cờ bạc và có hành vi đánh vợ, con. Trong khi đó, chị Thlà người chịu khó làm ăn, chăm lo cho các con. Hơn nữa, hiện nay cháu Nhi và cháu Thúy đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ; còn cháu Thy dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc từ mẹ. Do vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cần giao cả ba con chung cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Thkhông yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thđề nghị tự thỏa thuận về tài sản với anh Phúc; đồng thời, quá trình chung sống giữa chị và anh Phkhông có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Phvắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành làm việc để làm rõ được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 203; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th và anh Huỳnh Văn Ph được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Huỳnh Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 14/7/2005; Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 20/02/2014 và Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con; anh Huỳnh Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0015048 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2021), nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử Phthẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Qu, huyện Th, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Trường - Thạch Thị Lan Nhung **Trần Minh Huấn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Duẩn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhung và anh Duẩn xây dựng gia đình với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 14/5/2008. Quá trình chung sống không được hòa thuận hạnh Phnên chị Nhung làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị Nhung xác định không còn tình cảm với anh Duẩn và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh Duẩn vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nhung và anh Duẩn phát sinh là do kinh tế gia đình khó khăn, anh Duẩn lại nghiện ma túy nhưng không tu chí cai nghiện để vợ chồng cùng chăm lo xây dựng kinh tế gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế tại địa phương thì được biết đã hai lần chị Nhung tạo điều kiện cho anh Duẩn đi cai nghiện tập trung nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh Duẩn lại tái nghiện nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, do cả hai lại không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh Phcho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nhung, xử cho chị Nhung và anh Duẩn được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Nhung và anh Duẩn có một con chung là Nguyễn Thị Thủy Tiên – sinh ngày 20/4/2009, hiện đang sống cùng với chị Nhung. Khi ly hôn chị Nhung đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Duẩn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Tiên là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, còn anh Duẩn là đối tượng nghiện ma túy không sống ổn định một nơi, hơn nữa cháu Tiên đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho chị Nhung có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Nhung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nhung xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh Duẩn không có ý kiến trình bày cụ thể đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có tranh chấp và khi có đơn khởi kiện, được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[5].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Tuyết Nhung , xử cho chị Bùi Thị Tuyết Nhung và anh Nguyễn Văn Duẩn được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Thủy Tiên – sinh ngày 20/4/2009 cho chị Bùi Thị Tuyết Nhung có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Duẩn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị Tuyết Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nhung đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002883 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Nhung đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Nhung biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (22/8/2017), còn anh Duẩn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử Phthẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*."